

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 289/2025/DS-PT
Ngày 26-5-2025
V/v tranh chấp về tài sản chung
của dòng họ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vương.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết;

Ông Phan Trí Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2025/TLPT-DS ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc “tranh chấp về tài sản chung của dòng họ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 253/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 283/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Diễm L, sinh năm 1953; địa chỉ: số nhà A, đường N, tổ H, khu A, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1978; địa chỉ liên hệ: số I, đường L, tổ E, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Võ Tấn Đ – Chi nhánh thành phố T, tỉnh Bình Dương, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trương Minh Đ1, sinh năm 1962; địa chỉ: tổ D, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1962; địa chỉ: số nhà A, đường D, tổ H, khu dân cư C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Chiêu Quốc A, sinh năm 1966; địa chỉ: số D T, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Bà Chiêu Minh P, sinh năm 1964; địa chỉ: số D T, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Bà Trương Thị Kim A1, sinh năm 1937 (chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Bà Trương Thị Hồng P1, sinh năm 1951; địa chỉ: số C, tổ D, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

5. Bà Trương Thị A, sinh năm 1943 (chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Bà Trương Thị Hồng P1, sinh năm 1951; địa chỉ: số C, tổ D, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

6. Bà Trương Thị Hồng P1, sinh năm 1951; địa chỉ: số C, tổ D, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

7. Bà Trương Mỹ H1, sinh năm 1954; địa chỉ: tổ D, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

8. Bà Trương Thị Thanh T1 (tên thường gọi: N), sinh năm 1964; địa chỉ: tổ D, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

9. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: khu phố B, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Tấn L1; chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 13/11/2023); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Phan Quốc H2, sinh năm 1944; địa chỉ: tổ A, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn bà Trần Diễm L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

- *Nguyên đơn bà Trần Diễm L trình bày:*

Bà cố Nguyễn Thị R (chết năm 1955) và chồng là ông Trương Văn C (chết trước năm 1954). Cả hai đều được chôn cất trên thửa số 7, tờ bản đồ số 34 diện tích 2.083m² tại khu phố K, thị trấn (nay là phường) Tân Phước K, thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương (viết tắt là thửa đất số 7). Đời con của hai người gồm có 4 người con:

1. Bà Trương Thị C1 (chết năm 1967), chồng bà C1 là ông Đặng N1 (chết năm 1960), cả hai mộ phần đều chôn trên thửa đất trên. Bà C1 sinh ra được 01 người con tên Đặng Thị C2 (chết năm 1990), chôn mộ phần tại thửa đất số 7, chồng bà C2 là ông Trần H3 (chết năm 1977), chôn mộ phần tại thửa đất số 7. Bà C2 sinh ra được 05 người con: bà Trần Thị T2 (chết năm 1957) không chồng, con; bà Trần Thị S (chết năm 1950) không chồng, con; bà Trần Thị Á (chết năm 2006) không chồng, con, các mộ đều nằm trên thửa đất số 7; bà Trần Diễm L, sinh năm 1953 và bà Trần Ngọc T, sinh năm 1962.

2. Bà Trương Thị R1 (chết năm 1982) chôn mộ phần tại thửa đất số 7, chồng bà R1 là ông Trương L2 (chết năm 1970) chôn mộ phần tại thửa đất số 7. Bà R1 sinh ra được 03 người con: bà Trương Xuân H4 chết năm 2000 (không chồng, con), chôn mộ phần tại thửa đất số 7; bà Trương Thị N2, chết năm 1995 (không chồng, con), chôn mộ phần tại thửa đất số 7; ông Chiêu Minh T3, chết năm 2010; vợ ông Chiêu Minh T3 già yếu, sống với con là Chiêu Quốc A. Ông T3 sinh ra 02 người con là: ông Chiêu Quốc A và bà Chiêu Minh P.

3. Ông Trương Q (chết năm 1954) chôn mộ phần tại thửa đất số 7. Vợ ông Trương Q là bà Bùi Thị B, chết năm 1986. Ông Trương Quan S1 ra được 07 người con gồm: bà Trương Thị N3, chết năm 2010 (không chồng, con), chôn mộ phần tại thửa đất số 7; bà Trương Thị X, chết năm 2016 (không chồng, con); ông Trương Chánh T4, chết năm 1984 (không vợ, con), chôn mộ phần tại thửa đất số 7; bà Trương Thị Kim A1, chết năm 2023 (không chồng, con); bà Trương Thị Á, chết năm 2022 (không chồng, con); bà Trương Thị Hồng P1; ông Trương N4, chết năm 2014. Vợ ông Trương N4 đã ly hôn từ năm 1965. Ông Trương N4 có 02 người con là: bà Trương Thị Thanh T1 (tên thường gọi N) và ông Trương Minh Đ1.

4. Ông Trương Á1 (chết năm 1977) chôn mộ phần tại thửa đất số 7. Vợ ông Trương Á1 là bà Nguyễn Thị A2, chết năm 2012. Ông Trương Ái S2 ra được 03 người con: ông Trương T5, chết năm 1973 (không vợ, con) chôn mộ phần tại thửa đất số 7; ông Trương Vĩnh H5, chết năm 2012 (không vợ, con) và bà Trương Mỹ H1, sinh năm 1954.

Bà cô Nguyễn Thị R khi còn sống đã tạo lập khu đất thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 34, với diện tích 2.083m², tọa lạc tại khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Sau khi bà cô Rậm qua đời mà không để lại di chúc, bốn người con của bà đã thống nhất sử dụng thửa đất này làm đất hương hỏa để thờ cúng tổ tiên và làm đất thổ mộ (nơi chôn cất) cho các thành viên trong dòng họ có gốc từ bà cô chung; thửa đất được xác định là tài sản chung của toàn dòng họ, không phân chia cho bất kỳ nhánh hay chi nào. Kể từ đó, nhiều con cháu qua các đời, từ đời ông cô bà cô Rậm trở về sau, khi qua đời đa số đều được chôn cất trên thửa đất này. Đến đời ông Trương Q (là cha của ông Trương N4 và ông nội của ông Trương Minh Đ1), các nhánh trong thân tộc tiếp tục thống nhất để cho ông Trương Quang L3 người đại diện quản lý thửa số 7 nhằm duy trì việc thờ cúng hương khói cho dòng họ và trông coi, bảo quản mồ mả tổ tiên. Tuy nhiên, sau khi ông Trương Quang C3 thì

ông Trương N4 đã tự ý tiến hành các thủ tục đăng ký đất đai; các thành viên khác trong dòng họ hoàn toàn không hay biết việc ông N4 đăng ký thửa đất này với tư cách cá nhân. Do đó, ngày 30/11/2004, Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03916/QSĐĐ, đứng tên cá nhân ông Trương Nghĩa .

Năm 2014, ông Trương N4 chết, đến khoảng tháng 3/2022, ông Đ1 (con ông N4) đã liên lạc với bà L. Ông Đ1 thông báo rằng một số mộ mã trên khu đất thổ mộ số 7, bao gồm cả mộ phần của ông bà thuộc nhánh chi của mẹ bà L và bà cố, nằm trong phạm vi cần cưỡng chế di dời. Do đó, phải cải táng, quy tập các mộ này đến một vị trí khác ngay trên chính khu đất thổ mộ cũ để tiện việc bảo quản, chăm sóc hài cốt và hương khói cho tổ tiên dòng họ. Ông Đ1, bà L và các thành viên dòng họ tập trung vào ngày 21/3/2022 để cùng chứng kiến việc bốc mộ, cải táng. Đồng thời, ông Đ1 đưa cho bà L số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), nói rằng đây là tiền hỗ trợ từ bên cưỡng chế cho việc di dời mộ. Tuy nhiên, ông Đ1 không nói rõ cá nhân hay tổ chức nào yêu cầu cưỡng chế và mục đích di dời là gì. Vào 07 giờ sáng ngày 21/3/2022, khi gia đình bà L đến khu mộ thì phát hiện ông Đ1 đã tự ý cho người bốc toàn bộ các mộ từ trước đó. Hài cốt đã được cho vào hũ và đang chuẩn bị được đưa đi thả xuống sông. Điều này hoàn toàn không phải là cải táng và chôn cất lại trên khu đất số 7 như ông Đ1 đã thông báo. Ông Đ1 đã không hề bàn bạc hay đưa ra phương án cụ thể nào để bà L và dòng họ cùng xem xét. Hành động tự ý bốc mộ của ông Đ1 bị coi là xâm phạm nghiêm trọng đến mồ mã, hài cốt của ông bà tổ tiên, gây tổn thương sâu sắc về tinh thần và đời sống tâm linh cho con cháu trong dòng họ. Sau đó, được biết thửa đất trên đã được giải tỏa, thu hồi để phục vụ dự án nâng cấp, mở rộng trường THPT T9. Bà L cho rằng ông Đ1 đã cố tình bốc hết các mộ phần của dòng họ để làm trống đất, nhằm dễ dàng bàn giao mặt bằng và hưởng trọn số tiền đền bù từ dự án. Do gia đình bà L rơi vào tình thế bị động, không còn cách nào khác ngoài việc phải đi theo đoàn xe của ông Đ1 để chứng kiến việc thả cốt xuống sông. Ngày 07/4/2022, bà L đã nhờ Thừa phát lại thành phố Thủ Dầu M đến thửa đất để lập vi bằng, ghi nhận tình trạng 13 ngôi mộ đã bị bốc. Vi bằng cũng thể hiện khu đất tại thời điểm đó đã trở thành đất trống với nhiều hố chôn bị đào xới. Quá bức xúc, bà L đã làm đơn khiếu nại ông Đ1 lên Ủy ban nhân dân phường T. Trong đơn, bà yêu cầu giải quyết, tranh chấp tài sản chung của dòng họ (mà ông Trương N4 đại diện quản lý và sau đó là ông Trương Minh Đ1 được cho là thay thế quản lý). Bà L cũng yêu cầu ông Đ1 phải khắc phục hậu quả và bồi thường cho các thành viên dòng họ có mộ người thân bị ông tự ý bốc đi để phục vụ việc giải phóng mặt bằng mà ông Đ1 thực hiện. Tuy nhiên, buổi hòa giải không thành. Ông Đ1 thừa nhận việc tự ý bốc mộ là sai, nhưng từ chối bồi thường. Ông Đ1 còn đưa ra lý do rằng các ngôi mộ được chôn trên đất thuộc quyền sử dụng của ông, do đó ông có quyền bốc đi, qua đó tiếp tục tranh chấp quyền sử dụng đất chung của dòng họ.

Nay, nguyên đơn bà L khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết: công nhận diện tích đất 2.083m² thuộc thửa đất số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03916/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp ngày 30/11/2004 cấp cho ông Trương Nghĩa L4 tài sản chung của dòng họ. Hiện nay

thửa đất số 7 đã bị thu hồi để thực hiện công trình cải tạo, nâng cấp Trường THPT T9 được bồi thường số tiền 22.411.486.000 đồng (hai mươi hai tỷ bốn trăm mười một triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng); trong đó bồi thường về đất 22.240.894.000 đồng và bồi thường mồ mả 170.592.000 đồng. Do đó, bà L yêu cầu Tòa án công nhận số tiền bồi thường về đất 22.240.894.000 đồng là tài sản chung của dòng họ.

- Bị đơn ông Trương Minh Đ1 trình bày:

Thửa số 7 có nguồn gốc từ ông Nguyễn Văn T6. Ông T6 để lại cho cháu nội là ông Trương N4 (cha của bị đơn). Ngày 30/11/2004, ông Trương N4 đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03916/QSDĐ. Quá trình sử dụng và quản lý đất, năm 1963, ông N4 cho bà Huỳnh Thị T7 (không có quan hệ họ hàng) ở nhờ. Năm 1993, khi ông N4 yêu cầu trả lại đất, đã xảy ra tranh chấp. Vụ việc được giải quyết bằng biên bản ngày 08/9/1993 của Ban nông nghiệp xã T, xác nhận đất là do ông Nguyễn Văn T6 cho ông N4 và có giấy tờ rõ ràng. Việc này được cả dòng họ biết và không ai phản đối. Năm 1996, UBND xã T vận động gia đình ông N4 hoán đổi một phần đất (trong tổng diện tích 1,1ha) để xây dựng Đài Chiến Thắng, theo đó gia đình ông N4 được nhận hai căn nhà ở chợ mới (chợ T10). Ông N4 đồng ý và sau đó được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phần đất ở chợ. Biên bản giải quyết hoán đổi đất ngày 19/12/1996 có xác nhận của UBND xã. Việc hoán đổi này cũng được dòng họ biết và không có ý kiến phản đối. Ông N4 sử dụng đất ổn định từ trước năm 1980, không có tranh chấp. Việc kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004 là hợp lệ.

Năm 2022, Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên thu hồi toàn bộ diện tích 2.083m² để thực hiện công trình Trường THPT T9. Ông Đ1 đã thống nhất và đồng ý giao đất. Trước khi giao đất, ông Đ1 đã thông báo cho thân nhân của những người có mộ trên khu đất biết để tiến hành bốc mộ. Việc bốc mộ diễn ra với sự thống nhất của các bên, bao gồm cả bà L (nguyên đơn), người đã có mặt vào ngày 21/3/2022. Từ đó đến nay, không có ai khiếu nại hay tranh chấp về việc bốc mộ. Do đó, việc bà L cho rằng ông Đ1 tự ý bốc mộ tổ tiên là không đúng. Sau khi nhận tiền bồi thường mồ mả, ông Đ1 đã chi hỗ trợ cho các gia đình có người thân chôn cất trên thửa đất. Bà L cũng đã nhận 10.000.000 đồng tiền bồi thường bốc mộ.

Việc bà L cho rằng đất là tài sản chung của dòng họ là không đúng, vì nguồn gốc rõ ràng là của ông Nguyễn Văn T6 để lại cho ông Trương Nghĩa. Nếu đất là tài sản chung, tại sao bà L không khiếu nại khi ông N4 còn sống, hoặc khi ông N4 thực hiện việc hoán đổi đất để xây Đài Chiến Thắng. Phần đất ông N4 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản riêng của ông, không phải đất của bà có Nguyễn Thị R để lại cho dòng họ.

Bà L không cung cấp được mối quan hệ nhân thân với ông Trương N4, cũng như không có chứng cứ về việc đất là tài sản của bà Nguyễn Thị R để lại và được dòng họ thống nhất giao cho ông Trương N4 đại diện. Do đó, ông Đ1 đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với bà Trương Thị Kim A1 và bà Trương Thị Á sống chung với ông Trương N4 và ông Trương Minh Đ1, bà Á và bà A1 không có chồng con, hiện nay bà A1 và bà Á đã chết, trước khi chết bà Á, bà A1 cũng đã có lời khai trình bày ý kiến nên đề nghị Tòa án sử dụng làm chứng cứ để xem xét giải quyết đối với vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc T trình bày:

Bà T thống nhất với lời trình bày, đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L, đề nghị Tòa án công nhận: thửa số 7 là tài sản chung của dòng họ do bà cố Nguyễn Thị R; nếu đất đã bị giải tỏa, thì giá trị bồi thường cho thửa đất này cũng là tài sản chung chưa chia của dòng họ, và ông Đ1 không có quyền sở hữu toàn bộ số tiền bồi thường này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chiêu Quốc A trình bày:

Ông A không biết thông tin gì về nguồn gốc và quyền sử dụng đất tranh chấp, ông A cũng không có tranh chấp gì đối với vụ án. Ông A xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng đối với vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chiêu Minh P trình bày:

Bà P không biết thông tin gì về nguồn gốc và quyền sử dụng đất tranh chấp, bà P cũng không có tranh chấp gì đối với vụ án. Bà P xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng đối với vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trương Thị Kim A1 và bà Trương Thị Á là bà Trương Thị Hồng P1 trình bày: thửa đất tranh chấp có nguồn gốc từ cha ruột bà là ông Trương Quang .1 Sau khi ông Q chết, đất được để lại cho ông Trương N4 (anh ruột bà P1). Ông Trương N4 đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03916QSDĐ/TU ngày 30/11/2004. Năm 2015, khi ông Trương N4 chết thì phần đất này được để lại cho ông Trương Minh Đ1 (cháu bà P1). Ông Trương N4 có cho một vài gia đình chôn cất mộ trên đất vì lòng thương người, do họ không có nơi chôn cất. Đất đã bị Nhà nước thu hồi để làm trường học. Bà khẳng định thửa đất thuộc quyền sở hữu của gia đình bà, nay đã chuyển quyền sở hữu cho cháu là ông Trương Minh Đ1. Đây không phải là đất của dòng họ như bà Trần Diễm L trình bày. Bà P1 không có tranh chấp hay yêu cầu gì liên quan đến thửa đất này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Mỹ H1 trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp thuộc về phía gia đình ông Trương Minh Đ1. Trước đây, cha ông Đ1 sử dụng, sau đó để lại cho ông Đ1. Quyền sử dụng đất này đã được cấp cho gia đình ông Đ1 (không rõ cụ thể tên ai). Bà H1 không liên quan, không tranh chấp và không có yêu cầu gì trong vụ án này. Bà đề nghị được giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Thanh T1 trình bày:

Thửa đất tranh chấp có nguồn gốc từ ông nội là Trương Q, sau đó để lại cho cha bà là ông Trương Nghĩa . Khi ông N4 chết năm 2015, đất được để lại cho ông Trương Minh Đ1. Hiện đất đã bị Nhà nước thu hồi. Bà T1 khẳng định đất này là của gia đình bà, không phải đất chung của dòng họ như bà L trình bày. Bà không tranh chấp, không có yêu cầu gì và xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03916/QSĐĐ/TU ngày 30/11/2004 cho ông Trương N4 thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư số 346 ngày 16/3/1998 của T11. Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không tiến hành đo đạc thực tế. Diện tích đất đang tranh chấp 2.083m², thuộc thửa đất số 7, tờ bản đồ số 34 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, mục đích sử dụng đất: đất trồng cây lâu năm được cấp đúng theo quy định tại Thông tư 346 ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính, phù hợp đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Trương N4 (có xác nhận UBND thị trấn (nay là phường) Tân Phước K.

Ngày 31/12/2021, UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên ban hành Quyết định số 6166/QĐ-UBND về việc thu hồi 2.083m², thuộc thửa đất số 7, tờ bản đồ số 34 tại phường T của ông Trương N4 (đã chết) do ông Trương Minh Đ1 đại diện cho những người thừa kế để thực hiện công trình Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THPT T9, tại phường T. Ngày 14/01/2022, UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên ban hành Quyết định số 617/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Trương N4 (đã chết) do ông Trương Minh Đ1 đại diện cho những người thừa kế để thực hiện công trình Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THPT T9, tại phường T với số tiền là 23.840.828.150 đồng (hai mươi ba tỷ tám trăm bốn mươi triệu tám trăm hai mươi tám nghìn một trăm năm mươi đồng).

- Người làm chứng ông Phạm Quốc H6 trình bày:

Đất nhà ông H6 giáp ranh với đất mà bà L đang tranh chấp với ông Đ1. Nguồn gốc đất là của bà Nguyễn Thị R, dùng để chôn cất người trong dòng họ, không ai canh tác. Ông không rõ bà R chết năm nào, có giấy tờ đất hay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không, hoặc có để lại cho ai không. Khi Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận, ông Trương N4 (cha ông Đ1) là người kê khai. Ông H6 biết ông N4 được cấp giấy chứng nhận nhưng không rõ diện tích, thửa đất cụ thể. Đất tranh chấp đã bị thu hồi làm trường học, có đền bù, và ông Đ1 là người nhận tiền. Từ trước đến nay, không ai tranh chấp đất với ông Trương N4 hay ông Đ1. Gia đình ông H6 cũng không có tranh chấp. Do sức khỏe yếu, đi lại khó khăn, ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Diễm L về việc tranh chấp về tài sản chung của dòng họ đối với bị đơn ông Trương Minh Đ1

với số tiền 22.240.894.000 đồng (hai mươi hai tỷ hai trăm bốn mươi triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2024 của nguyên đơn bà Trần Diễm L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu công nhận số tiền 22.240.894.000 đồng là tài sản chung của dòng họ và chia số tiền thành bốn phần bằng nhau.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: qua tìm hiểu tông chi và tài liệu địa bộ do ông Đ1 cung cấp, đã xác định ông Nguyễn Văn T6 là ông sơ, có một con là bà R; bà R có bốn người con. Việc thiếu giấy tờ chứng minh huyết thống là do trước đây không có làm giấy khai sinh. Vấn đề cần làm rõ là sự xuất hiện tên bà C2 (mẹ bà L) trong địa bộ. Năm 2020, ông Đ1 đã kê khai các ngôi mộ của nhiều chi trên đất, cùng với sự khác biệt về họ giữa ông Theo họ N5 và ông Đ1 họ T8 thì ông Đ1 không thể là cháu nội của ông T6, và việc bốn chi con bà R đều có mộ tại đây (do ông T6 không có con trai, đất được dùng chôn cất chung), cho thấy đây là tài sản chung của dòng họ. Ngoài ra, tại cấp sơ thẩm ông Đ1 cho rằng không chia tiền đền bù vì “ghét”, cho thấy đây là tài sản chung của dòng họ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định đây là tài sản chung của dòng họ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: nguyên đơn yêu cầu công nhận số tiền bồi thường 22.240.894.000 đồng là tài sản chung dòng họ, cho rằng đất do bà cô Nguyễn Thị R để lại làm thổ mộ, giao ông Trương N4 (cha bị đơn) đại diện đứng tên. Bị đơn không đồng ý, khẳng định đất do ông Nguyễn Văn T6 để lại cho ông Trương N4, người đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 30/11/2004.

Ông Trương N4 có đăng ký kê khai trong Sổ mục kê, kê khai đăng ký quyền sử dụng đất vào năm 2004 (mục đích: cây lâu năm; nguồn gốc: thừa kế năm 1975), được UBND xác nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/11/2004 đúng trình tự. Sau đó, không có ai tranh chấp, khiếu nại. Bà L không cung cấp được chứng cứ cho lời trình bày của mình và không được bị đơn thừa nhận. Việc đất có mộ không đồng nghĩa là tài sản chung của dòng họ. Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Diễm L trong hạn luật định. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý và xét xử vụ án theo luật định.

[2] Nguyên đơn bà L khởi kiện yêu cầu công nhận số tiền bồi thường 22.240.894.000 đồng đối với diện tích 2.083m² thuộc thửa đất số 7, tờ bản đồ số 34 tại phường T, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên là tài sản chung của dòng họ. Nguyên đơn cho rằng đất có nguồn gốc từ bà cố Nguyễn Thị R để lại làm thổ mộ, và dòng họ đã thống nhất giao ông Trương N4 (cha bị đơn) đại diện đứng tên. Hiện đất đã bị U thu hồi để thực hiện công trình công cộng và đã có quyết định bồi thường.

Bị đơn ông Đ1 không đồng ý, khẳng định đất do ông Nguyễn Văn T6 để lại cho ông Trương N4 (cha ruột ông Đ1); ông N4 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/11/2004.

[3] Tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện. Về nguồn gốc thửa đất:

Công văn số 3313/PTNMT-ĐĐ ngày 08/12/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T (bút lục số 282) thể hiện: việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03916/QSDD/TU ngày 30/11/2004 cho ông Trương N4 thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư 346 ngày 16/3/1998 của T11. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không tiến hành đo đạc thực tế. Diện tích đất đang tranh chấp 2.083m², thuộc thửa đất số 7 tờ bản đồ số 34 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, mục đích sử dụng đất: đất trồng cây lâu năm được cấp đúng theo quy định tại Thông tư 346 ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính, phù hợp đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Trương N4 có xác nhận UBND thị trấn (nay là phường) Tân Phước K. Ngày 31/12/2021, UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên ban hành Quyết định số 6166/QĐ-UBND về việc thu hồi 2.083m², thuộc thửa đất số 7 tờ bản đồ số 34 tại phường T của ông Trương N4 (đã chết) do ông Đ1 đại diện cho những người thừa kế để thực hiện công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THPT T9, tại phường T. Ngày 14/01/2022, UBND thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên ban hành Quyết định số 617/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Trương N4 (đã chết) do ông Đ1 đại diện cho những người thừa kế để thực hiện công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THPT T9, tại phường T với số tiền là 23.840.828.150 đồng.

Biên bản xác minh ngày 20/8/2024 tại Ủy ban nhân dân phường T (bút lục 291-292) thể hiện: theo hồ sơ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất số 7, tờ bản đồ số 34 tại phường T, thành phố T đã được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03916/QSDD/TU ngày 30/11/2004 cho ông Trương N4; mục đích sử dụng đất là

cây lâu năm, không phải đất thổ mộ. Người đi đăng ký kê khai đất là ông N4. Trên thửa đất có nhiều ngôi mộ hiện đã di dời một số ngôi mộ, hiện còn lại bao nhiêu ngôi mộ và mộ của ai thì địa phương không biết.

Biên bản xác minh ngày 20/9/2024 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T (bút lục 327) thể hiện: người kê khai trong sổ mục kê đối với thửa đất số 7, tờ bản đồ số 34 tại phường T, thành phố T thì thể hiện người đăng ký kê khai trong Sổ mục kê đối với thửa đất số 7, tờ bản đồ số 34 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương là ông Trương Nghĩa .

Trong suốt quá trình ông Trương N4 quản lý và sử dụng thửa đất, đã xảy ra tranh chấp với bà Huỳnh Thị T7 liên quan đến một phần diện tích đất. Tại thời điểm xảy ra tranh chấp đó và trong suốt quá trình giải quyết, không có bất kỳ cá nhân nào khác, bao gồm cả bà L hay các thành viên khác trong dòng họ có ý kiến hay tranh chấp về quyền sử dụng đất này với ông Trương Nghĩa . Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L thừa nhận có biết về việc tranh chấp giữa ông Trương N4 và bà Huỳnh Thị T7, đồng thời khẳng định không có ý kiến gì đối với vụ việc tranh chấp nêu trên vào thời điểm đó.

[4] Như vậy, có căn cứ xác định ông Trương Nghĩa L4 người trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất từ trước năm 1980 cho đến khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và là người đứng tên kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất. Sau khi ông Trương N4 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004, không có bất kỳ ai, kể cả các thành viên trong dòng họ (bao gồm cả phía nguyên đơn), có tranh chấp hay khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho cá nhân ông Trương N4 cho đến khi xảy ra việc thu hồi đất.

[5] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc T (em ruột nguyên đơn, cùng chi bà Trương Thị C1): cho rằng đất là tài sản chung của dòng họ, có nguồn gốc từ bà cố Nguyễn Thị R để lại. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Mỹ H1 (thuộc chi ông Trương A1): tại cấp sơ thẩm, bà H1 cho rằng đất thuộc sở hữu của gia đình bị đơn; tuy nhiên, tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/5/2025 ở cấp phúc thẩm, bà H1 lại thay đổi lời khai, cho rằng đất là của ông cố và bà cô bà H1 để lại cho bà R. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Hồng P1 (cô ruột bị đơn, cùng chi ông Trương Q): khẳng định đất có nguồn gốc từ ông Trương Q (cha ông T, ông nội bị đơn) để lại cho ông Trương Nghĩa . Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Kim A1 (cô ruột bị đơn, cùng chi ông Trương Q): có ý kiến tương tự bà P1, cho rằng đất do ông Trương Q để lại cho ông Trương Nghĩa . Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Thanh T1 (em ruột bị đơn): cho rằng đất có nguồn gốc từ ông Trương Q để lại cho ông Trương Nghĩa . Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chiêu Quốc A và bà Chiêu Minh P (thuộc chi ông Chiêu Minh T3): cả hai đều cho biết không nắm rõ về nguồn gốc thửa đất tranh chấp và không có tranh chấp gì liên quan. Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy, ngoài việc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên đều cho rằng đất của gia đình bị đơn hoặc không biết về nguồn gốc đất, không tranh chấp hoặc thay đổi lời khai từ đất của gia đình bị đơn thành đất của dòng họ mà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác

chứng minh tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm; do đó, lời khai của những người này không đủ cơ sở vững chắc để xác định thửa đất là tài sản chung của dòng họ.

[6] Nguyên đơn bà L cho rằng thửa đất có nguồn gốc từ bà cố Nguyễn Thị R để lại làm thổ mộ cho dòng họ và dòng họ đã thống nhất giao cho ông Trương N4 (cha của bị đơn) đứng tên đại diện trên giấy tờ. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, nguyên đơn bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho nguồn gốc đất này cũng như việc ông Trương N4 chỉ là người đứng tên đại diện cho dòng họ. Tòa án cấp sơ thẩm đã ra quyết định yêu cầu nguyên đơn bà L cung cấp chứng cứ thể hiện thửa đất là tài sản do bà Nguyễn Thị R tạo lập, nhưng nguyên đơn không cung cấp được. Mặt khác, trong suốt quá trình hòa giải tại cơ sở và tại cấp sơ thẩm, bà L đều khẳng định không biết ông Nguyễn Văn T6 là ai. Tuy nhiên, sau khi được tiếp cận với tài liệu là Trích lục địa bộ (bút lục số 326) do bị đơn ông Đ1 cung cấp, thì tại cấp phúc thẩm, bà L lại thay đổi lời khai, cho rằng ông Nguyễn Văn T6 chính là cha của bà Nguyễn Thị R. Sự thay đổi lời khai này là mâu thuẫn và bà L cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ có giá trị để chứng minh cho mối quan hệ huyết thống giữa ông Nguyễn Văn T6 và bà Nguyễn Thị R theo lời trình bày mới này. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L về việc công nhận số tiền 22.240.894.000 đồng (hai mươi hai tỷ hai trăm bốn mươi triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng) là tài sản chung của dòng họ là phù hợp.

[7] Từ những nhận định trên, nguyên đơn bà L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên kháng cáo không được chấp nhận.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa là không phù hợp.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: người kháng cáo không phải chịu do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; Điều 296, khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Diễm L.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn bà Trần Diễm L không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- TAND thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Vương